TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HC-PT
Ngày: 22/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Hà;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: ***Ông Lê Văn Hùng, Kiểm sát viên.***

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 294/2025/TLPT-HC ngày 25 tháng 4 năm 2025, về việc: *"*Khiếu kiện hủy quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ, đền bù, giải phóng mặt bằng". Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 81/2024/HC-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1673/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện*:** Ông Phạm Sỹ T; địa chỉ: khu dân cư T, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Tạ Mai A, sinh năm 2000; chỗ ở: số B N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. vắng mặt;

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ A, khu A, phường A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Đức N và luật sư Hồ Thị T1 - Công ty L2, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; vắng mặt.

**** Người bị kiện*:** Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Hải Phòng (Là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng); Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Lan H2, chức vụ: Phó

Chủ tịch (Văn bản ủy quyền số 589/VB-UQ ngày 20/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã V); vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Tống Thị H3, sinh năm 1961; Người được ủy quyền: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1961; Đều ở địa chỉ: Khu dân cư T, xã V, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Anh Phạm Đình C; địa chỉ: khu dân cư T, xã V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1]. Người khởi kiện, ông Phạm Sỹ T trình bày và yêu cầu: Ông T bị Uỷ ban nhân dân (UBND) huyện V thu hồi 270,6m^2 diện tích đất đang sử dụng tại khu dân cư T, thị trấn V để thực hiện dự án phát triển khu dân cư thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng theo Quyết định thu hồi đất số 2391a/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND huyện V. Thửa đất bị thu hồi là tài sản chung của ông T và bà Tống Thị Hứa . Vào thời điểm thu hồi đất, gia đình ông T có 03 nhân khẩu đang sinh sống trên đất gồm có ông T, bà H3, con trai là anh Phạm Đình C. Gia đình ông T đã bàn giao mặt bằng cho UBND huyện V thực hiện dự án, nhưng ông T không đồng ý với một số nội dung tại phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Vì vậy, ông T đã khiếu nại phương án bồi thường, hỗ trợ sau khi thu hồi đất của ông T tới UBND huyện V. Ngày 07/02/2024, UBND huyện V Quyết định số 290/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông T, tại Quyết định có nội dung: "Giữ nguyên các Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND huyện về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; Quyết định số 5109/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND huyện về việc giao đất tái định cư". Ông T không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ sau khi thu hồi đất của gia đình ông T và nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 290/QĐ-UBND, bởi các lý do: đơn giá bồi thường về đất áp dụng với gia đình ông T, tại phần 4 Quyết định số 289/QĐ-UBND có nội dung: "Căn cứ vào Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND thành phố H, về việc phê duyệt giá đất cụ thể đối với đất ở, để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án phát triển Khu dân cư tại thị trấn V, căn cứ vào vị trí thửa đất, Hội đồng bồi thường thực hiện Dự án xác định, thửa đất của hộ ông Phạm Sỹ T thuộc vị trí 4, tuyến Quốc lộ A, đoạn đường từ cầu T đến Trạm Y tế thị trấn V; giá đất bồi thường là 10.668.000đ/m^2 (Bảng giá đất 5 năm 2020-2024 được UBND thành phố H ban hành tại Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 là 6.670.000đ/m^2 x hệ số điều chỉnh 1,6)". Nội dung này là không phù hợp, vì đơn giá bồi thường về đất của gia đình ông T không tương xứng với vị trí đất bị thu hồi. Đơn giá đất

bồi thường về đất của gia đình ông T theo các Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ là 10.668.000 đồng/1m^2. Vị trí đất gia đình ông T bị thu hồi tương đương vị trí đóng thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hàng năm, với đơn giá 4.800.000 đồng. Tuy nhiên, đơn giá bồi thường về đất của gia đình ông T, lại bằng đơn giá bồi thường đối với các hộ gia đình đóng thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hàng năm, với đơn giá 1.200.000 đồng (hộ đóng thuế đất đơn giá 1.200.000 đồng được áp dụng đơn giá bồi thường về đất là 10.668.000 đồng). Theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT, quy định về cách xác định vị trí đất như sau: Vị trí được xác định theo từng đường, đoạn đường hoặc khu vực căn cứ vào điều kiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các lợi thế cho sản xuất, kinh doanh trong khu vực, khoảng cách đến trung tâm chính trị, kinh tế, thương mại trong khu vực. Vị trí càng thuận lợi thì số tiền đóng thuế đất hàng năm càng cao. Tuy nhiên, đơn giá đất bồi thường của gia đình ông T, được xây dựng không căn cứ vào vị trí đất đóng thuế sử dụng đất hàng năm. Điều này là sai quy định pháp luật, bởi mức đóng thuế sử dụng đất hàng năm là một trong những căn cứ quan trọng, để xác định giá đất cụ thể. Mức đóng thuế sử dụng đất hàng năm phụ thuộc vào vị trí của thửa đất. Do vậy, gia đình ông T có vị trí đóng thuế sử dụng đất hàng năm ở mức cao, chứng tỏ vị trí đất của ông T thuận lợi hơn, từ đó phải được bồi thường về đất với đơn giá bồi thường cao hơn. Việc giá đất cụ thể để bồi thường về đất của gia đình ông T, lại thấp hơn đơn giá bồi thường đối với các hộ gia đình đóng thuế sử dụng đất hàng năm, với đơn giá 1.200.000 đồng là chưa phù hợp với thực tiễn, không đúng quy định pháp luật, không đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông T, với vị trí đất của gia đình ông T bị thu hồi phải là vị trí số 1, tương đương với đơn giá là 28.512.000 đồng/m^2, ông T bị thu hồi diện tích 270,6m^2, nhưng UBND huyện chỉ bố trí tái định cư cho gia đình ông 01 lô đất, với diện tích 119,0m^2. Như vậy, nếu nhận bồi thường bằng tiền với đơn giá bồi thường là 10.668.000 đồng/1m^2, gia đình ông sẽ bị thiệt hại rất lớn. Do vậy, ông T không đồng ý phương án bồi thường giá đất 10.668.000 đồng, ông yêu cầu đất đổi đất, bồi thường cho gia đình ông vị trí đất tương đương đã bị thu hồi. Tại phiên sơ thẩm, ông T vắng mặt, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông T thay đổi yêu cầu đòi bồi thường bằng đất, có ý kiến theo giá đất giao dịch ngoài thị trường hiện nay, diện tích đất gia đình ông T bị thu hồi có giá giao dịch là 39.000.000 đồng/m^2, nên yêu cầu UBND huyện V phải bồi thường, hỗ trợ số tiền khi thu hồi đất của ông T với mức bằng 80% giá đất thị trường, cụ thể là 31.000.000 đồng/m^2. Về yêu cầu cấp tái định cư: Ông T trình bày, diện tích đất bị thu hồi diện tích đất 270,6m^2, UBND huyện chỉ bố trí tái định cư cho ông T 01 lô đất, với diện tích 119.0m^2. Trong khi đó, ngoài hai vợ chồng ông T còn có 01 con trai là Phạm Đình C gần 30 tuổi, đủ điều kiện để tách thành hộ gia đình riêng theo quy định pháp luật về cư trú, anh C không có nơi ở nào khác tại địa phương, quỹ đất tái định cư đối với dự án này vẫn đang còn, nên gia đình ông T đủ điều kiện để bố trí thêm 01 suất tái định cư cho anh C, quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định sô 47/2014/NĐ-CP của Chính

phủ. Ông T còn trình bày về trình tự thu hồi đất không đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất quy định tại điểm b khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. UBND dân huyện V chỉ thực hiện niêm yết các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất, không gửi các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, nên ông T không được nhận Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ sau khi thu hồi đất kèm theo Quyết định. Do vậy ông T đề nghị: Huỷ 1 phần Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND huyện V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V đối với phần đơn giá bồi thường và phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng; Huỷ phần 5 Quyết định giải quyết khiếu nại số 290/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện V; Buộc UBND huyện V bổ sung phương án tái định cư cho con trai ông T là anh Phạm Đình C đã đủ điều kiện để tách thành hộ gia đình riêng theo quy định pháp luật về cư trú và không có chỗ ở nào khác tại địa phương.

[2]. Đại diện của Người bị kiện(UBND và Chủ tịch UBND huyện V) trình bày và quan điểm: Ngày 19/5/2023, UBND huyện V Quyết định số 2391a/QĐ-UBND, về việc thu hồi diện tích 270,6m^2 đất ở của hộ ông Phạm Sỹ T thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 51, bản đồ giải thửa thị trấn V; Quyết định số 2369/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng, Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng và phương án chi tiết, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cùng danh sách kèm theo khi thực hiện dự án, theo đó hộ gia đình ông Phạm Sỹ T được bồi thương số tiền hỗ trợ về đất là: 270,6m^2 x 10.668.000d/m^2 = 2.886.760.800đồng. Theo báo cáo của UBND thị trấn V, hồ sơ quản lý đất đai được lưu trữ thể hiện, hộ ông Phạm Sỹ T đang sử dụng thửa đất số 56 (1), tờ bản đồ số 51, diện tích 270m^2, mục đích sử dụng đất ở đô thị, có nguồn gốc sử dụng trước ngày 15/10/1993. Tại sổ mục kê, bản đồ giải thửa năm 1996, thể hiện ngày 11/3/2019, đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 599354 cho ông Phạm Sỹ T và vợ là bà Tống Thị H3 tại thửa đất số 56(1), tờ bản đồ số 51, diện tích 270m^2, mục đích sử dụng đất ở đô thị. Vì vậy, ngày 14/8/2023, UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 3815/QĐ-UBND, về việc sửa đổi Quyết định số 2391a/QĐ-UBND, về số thửa đất thu hồi của hộ gia đình ông T, từ thửa đất số 56 thành thửa đất số 56(1); ngày 04/8/2023, UBND huyện V Quyết định số 1629/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, bổ sung thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án phát triển khu dân cư thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng. Căn cứ báo cáo của UBND thị trấn V; hồ sơ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, đối với hộ gia đình ông Phạm Sỹ T thể hiện: Thời điểm thu hồi đất thực hiện Dự án phát triển khu dân cư thị trấn V, huyện V, thành phố H ông Phạm Sỹ T thuộc trường hợp thu hồi hết đất, ngoài thửa đất trên, hộ ông Phạm Sỹ T không còn mảnh đất nào khác trên địa bàn thị trấn V, khi tiến hành thu hồi đất, hộ gia đình

ông Phạm Sỹ T đăng ký 01 hộ khẩu với 03 nhân khẩu, gồm: ông Phạm Sỹ T - chủ hộ, bà Tống Thị H3 (vợ ông T), anh Phạm Đình C (con trai ông T), căn cứ vào đề nghị của Phòng T3 huyện tại Tờ trình số 1150/TTr-TN&MT ngày 26/10/2023, UBND huyện Vĩnh Bảo ban hành Quyết định số 5109/QĐ-UBND ngày 06/11/2023, về việc giao đất ở tái định cư, trong đó hộ ông Phạm Sỹ T được giao 01 lô đất tái định cư hộ chính là đảm bảo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, mặc dù hộ ông Phạm Sỹ T thuộc trường hợp thu hồi hết đất, nhưng chỉ có một cặp vợ chồng sinh sống trên thửa đất bị thu hồi, không có hộ phụ (con trai ông Phạm Sỹ T là ông Phạm Đình C, chưa lập gia đình, đến nay chưa tách thành hộ gia đình riêng). Do vậy, không đủ điều kiện để giao đất tái định cư hộ phụ cho ông Phạm Đình C (con trai ông Phạm Sỹ T). Ngày 13/11/2023 ông Phạm Sỹ T có đơn khiếu nại phương án bồi thường hỗ trợ sau khi thu hồi đất, đề nghị UBND huyện V xác định lại đơn giá bồi thường về đất đối với gia đình ông T, đề nghị bồi thường thêm diện tích đất ở cho gia đình ông T. UBND huyện V đã thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu, tại Thông báo số 02/TB-UBND ngày 08/01/2024. Ngày 08/01/2024, UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 15/QĐ-UBND, về việc xác minh nội dung khiếu nại. UBND huyện V đã thực hiện trình tự, thủ tục xác minh và ban hành Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 07/02/2024, về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Sỹ T. Như vậy, căn cứ quy định của Luật khiếu nại, Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành, UBND huyện V Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định. Quá trình sử dụng đất tại địa phương, ngày 25/11/2020, ông Phạm Sỹ T và bà Tống Thị H3 có chuyển nhượng một phần thửa đất số 56 (1), tờ bản đồ số 51 cho ông Phạm Văn L1 và vợ là bà Phạm Thị C1, khu phố C, thị trấn V, huyện V. Hai hộ gia đình đã lập Hợp đồng đặt cọc ngày 12/08/2021, số tiền cọc là 1.500.000.000 đồng, tuy nhiên 02 hộ chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định. Tại thời điểm thu hồi đất, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, hộ gia đình ông Phạm Sỹ T vẫn đang sử dụng toàn bộ thửa đất. Căn cứ Mảnh trích đo địa chính, tờ bản đồ số 14, số thửa 158, 159, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 02/6/2022; Bản đồ giải thửa thị trấn V lập năm 1996; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 599354, mang tên ông Phạm Sỹ T và vợ là bà Tống Thị H3, xác định: Tổng diện tích thu hồi thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V đối với hộ ông Phạm Sỹ T là 270,6m^2. Việc ông T khởi kiện có ý kiến khi thu hồi xác định vị trí thửa đất của hộ ông T để áp giá bồi thường đất không đúng, không tương xứng với vị trí thửa đất khi xác định đóng thuế sử dụng đất hàng năm, với đề nghị này UBND huyện V có quan điểm: bảng giá đất tại Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND thành phố H, về điều chỉnh cục bộ giá đất tại một số vị trí tuyến đường trong bảng giá các loại đất 05 năm (2021-2024) trên địa bàn thành phố. Giá đất vị trí 1, tuyến đường từ Trạm y tế T - Trại Chiều là 4.800.000 đồng/m^2

tương ứng với vị trí >1 nhà ông Phạm Sỹ T. Căn cứ khoản 2 Điều 114 Luật đất đai năm 2013, Điều 1 Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H, bảng giá đất được sử dụng làm căn cứ trong các trường hợp sau: (a) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích trong hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; (b) T2 thuế sử dụng đất. Từ căn cứ trên, UBND thị trấn V lập phượng án thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với các hộ gia đình, cá nhân theo tuyến đường, vị trí thửa đất, đơn giá theo bảng giá đất là đúng quy định. Việc UBND huyện V áp dụng giá đất cụ thể, để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất, thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V là căn cứ vào Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND thành phố H, về việc phê duyệt giá đất cụ thể đối với đất ở để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào vị trí thửa đất, Hội đồng bồi thường thực hiện Dự án xác định thửa đất của hộ ông Phạm Sỹ T thuộc vị trí 4, tuyến Quốc lộ A - đoạn đường từ Trạm Y tế thị trấn V đến Phòng Giáo dục; giá đất bồi thường là 10.668.000đ/m^2 (dựa trên bàng giá đất 5 năm 2020-2024 được UBND thành phố H ban hành tại Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 là 6.670.000đ/m^2 x hệ số điều chỉnh 1,6). Như vậy, việc UBND huyện V áp dụng giá đất cụ thể, theo Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND thành phố H để tính toán bồi thường, hỗ trợ về đất đối với hộ gia đình ông Phạm Sỹ T là đúng quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện V có giấy mời ông Phạm Sỹ T lên nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V vào các ngày 21/7/2023; 25/7/2023; 27/7/2023, tuy nhiên, hộ ông Phạm Sỹ T chưa nhận tiền, số tiền bồi thường về đất của hộ ông Phạm Sỹ T được Trung tâm phát triển quỹ đất, nộp vào tài khoản tại Ngân hàng N1 Chi nhánh huyện V. Ngày 10/08/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất nhận được Phiếu chuyển đơn kiến nghị phản ánh số 152/TCD ngày 10/8/2023 của Ban tiếp công dân huyện kèm theo đơn kiến nghị của ông Phạm Văn L1, địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng ghi ngày 07/8/2023 có nội dung "Đề nghị Trung tâm phát triển quỹ đất tạm giữ lại tiền đền bù hỗ trợ giải phóng mặt bằng của gia đình ông Phạm Sỹ T để hai gia đình giải quyết tranh chấp". Ngày 20/12/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất nhận đơn của ông Phạm Sỹ T đề nghị nhận lại tiền bồi thường hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V. Ngày 08/01/2024, Trung tâm phát triển quỹ đất mời 02 hộ gia đình ông Phạm Sỹ T và ông Phạm Văn L1 lên để thoả thuận giải quyết theo đơn đề nghị, tuy nhiên 02 hộ gia đình không thống nhất được đối tượng thụ hưởng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất. Ngày 15/01/2024, Trung tâm phát triển quỹ đất nhận được Công văn số 11/2024/TA-VB ngày 15/01/2024 về việc đề nghị sao lục tài liệu liên quan đến vụ án tranh

chấp dân sự đối với thửa đất nằm trong diện giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V theo Thông báo số 60/TB-TLVA ngày 15/11/2023 về việc thụ lý vụ án tranh chấp dân sự của Tòa án nhân dân huyện V. UBND huyện V căn cứ Điều 74, Điều 75, Điều 79, Điều 89, Điều 114 Luật đất đai 2013; Điều 6, Điều 9 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND thành phố H về việc phê duyệt giá đất cụ thể thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V; Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 về việc ban hành Bộ đơn giá vật kiến trúc phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Điều 19 Quyết định 24/2022/QĐ-UBND của UBND thành phố H về việc ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBNDthành phố Hải Phòng. Công tác bồi thường, hỗ trợ thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại trấn Vĩnh Bảo đối với hộ gia đình ông Phạm Sỹ T đã được UBND huyện V, các ngành liên quan của huyện, UBND thị trấn V rà soát, xác minh, tính đúng, tính đủ, đảm bảo quyền lợi cho hộ gia đình. Việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, giải quyết khiếu nại đã được UBND huyện V thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Từ những căn cứ trên, UBND huyện V, Chủ tịch UBND huyện V đề nghị bác các yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Sỹ T.

[3]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Tống Thị H3 và anh Phạm Đình C được Toà án triệu tập đến làm việc rất nhiều lần, nhưng không có mặt, có quan điểm gửi Toà án nhất trí với nội dung khởi kiện của người khởi kiện và đề nghị cho phép được vắng mặt tại Toà án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 81/2024/HC-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 187, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 62, 66, 67, 69, 71,74, 75, 79 và Điều 114 Luật đất đai năm 2013; Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Luật khiếu nại; Điều 15 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 6, Điều 9, Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Sỹ T về yêu cầu Tòa án tuyên hủy các Quyết định sau: Huỷ 1 phần Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND huyện V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V với phần đơn giá bồi thường và phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng; Huỷ phần 5 Quyết định giải quyết khiếu nại số 290/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện V; Buộc UBND huyện V bổ sung

phương án tái định cư cho con trai ông T là anh Phạm Đình C đã đủ điều kiện để tách thành hộ gia đình riêng theo quy định pháp luật về cư trú và không có chỗ ở nào khác tại địa phương. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/8/2024, người khởi kiện ông Phạm Sỹ T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Phạm Sỹ T giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm, hoặc sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy các quyết định hành chính bị kiện. Luật sư vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên đề nghị như tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Người bị kiện vắng mặt, người được ủy quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm tại văn bản đã gửi trong giai đoạn sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán Chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Đề nghị: Bác kháng cáo của ông Phạm Sỹ T và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 81/2024/HC-ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; Người bị kiện vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về đối tượng, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết: Ngày 18/3/2024, ông Phạm Sỹ T khởi kiện đề nghị huỷ các quyết định của UBND huyện và Chủ tịch UBND huyện V, liên quan đến việc thu hồi đất; phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V và phương án chi tiết, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Sỹ T; việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Sỹ T. Đây là các quyết định hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 22 Luật Đất đai,

nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền theo quy định khoản 1 và 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính thụ lý, giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của người khởi kiện, thấy rằng, căn cứ các tài liệu chứng đã thu thập, Hội đồng xét xử phúc thẩm hoàn toàn đồng tình với các nhận định, phân tích đánh giá các chứng cứ của cấp sơ thẩm về các nội dung sau:

[3.1]. Chủ tịch UBND huyện V Quyết định số 2391a/QĐ-UBND ngày 19/5/2024, về việc thu hồi đất; Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 19/5/2023, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V huyện V, thành phố Hải Phòng; Quyết định số 3815/QĐ-UBND ngày 14/8/2023, quyết định về việc sửa đổi Quyết định số 2391a/QĐ-UBND, ngày 19/5/2024 về việc thu hồi đất; Quyết định 1629/QĐ-UBND ngày 04/8/2023, về việc phê duyệt bổ sung bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng và các phương án chi tiết, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 4398/QĐ-UBND ngày 15/9/2023, quyết định về việc Cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Sỹ T là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 66, Điều 69, Điều 71 Luật đất đai 2013 và các văn bản pháp luật có liên quan.

[3.2]. Theo quyết định về việc thu hồi đất hộ gia đình ông Phạm Sỹ T bị thu hồi 270,2m^2 đất đang sử dụng tại thửa đất số 56 (1), tờ bản đồ số 51, diện tích đất này ngày 11/3/2019, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 599354, cho ông Phạm Sỹ T và vợ là bà Tống Thị Hứa . Tại mảnh trích đo địa chính, tờ bản đồ số 14, số thửa 158, 159, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 02/6/2022 xác định: Tổng diện tích thu hồi thực hiện dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V đối với hộ ông Phạm Sỹ T là 270,6m^2, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc đất sử dụng từ trước năm 1993. Tại Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 19/5/2023, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện giải phóng mặt bằng dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng, trong đó có hộ gia đình ông Phạm Sỹ T bị thu hồi 270,6m^2.

[3.3]. Quyết định phê duyệt bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung có bảng chi tiết kèm theo hộ ông Phạm Sỹ T được bồi thường, hỗ trợ là 2.889.691.000 đồng. Trong đó số tiền bồi thường, hỗ trợ về nhà và đất là 270,6m^2 x 10.668.000 đồng/m^2 = 2.886.760.800 đồng. UBND huyện V đã nhiều lần yêu cầu hộ ông T lên nhận tiền, nhưng do có sự tranh chấp đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông T và hộ ông Phạm Văn L1 nên số tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của UBND huyện V đối với hộ ông Phạm Sỹ T được nộp vào tài khoản tại Ngân hàng N1 Chi nhánh huyện V, sẽ được xử lý khi có quyết định giải quyết cuối cùng của Toà án có thẩm quyền. Người khởi kiện cho rằng, về giá đất UBND huyện V áp giá cho

ông ở vị trí số D, Quốc lộ A - đoạn từ Cầu T đến Trạm Y tế thị trấn V với đơn giá 8.329.000 đồng/m^2 là không đúng với vị trí đất thu hồi của gia đình ông T, hiện nay theo giá đất giao dịch ngoài thị trường là 39.000.000 đồng/m^2, ông T yêu cầu UBND huyện V phải được bồi thường bằng 80% giá đất thị trường là 31.000.000 đồng/m^2, xét thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013, UBND thành phố H đã ban hành Quyết đinh số 996/QĐ-UBND ngày 14/4/2023, về việc phê duyệt giá đất cụ thể, đối với đất ở để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất, để thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V (giá đất cụ thể được tính dựa trên cơ sở Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND, ngày 28/4/2022 của UBND thành phố H, về việc điều chỉnh cục bộ giá đất tại một số vị trí tuyến đường trong bảng giá các loại đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn thành phố là 5.210.000 đ/m^2 x hệ số điều chỉnh 1,6 để ra giá đất cụ thể là 8.329.000 đồng). Căn cứ vào vị trí thửa đất, Hội đồng bồi thường thực hiện Dự án xác định thửa đất của hộ của ông T thuộc vị trí 4, tuyến Quốc lội 10 - Đoạn đường từ Trạm Y tế thị trấn V đến P, giá đất bồi thường là 10.668.000đ/m^2 (Bảng giá đất 5 năm 2020-2024 được UBND thành phố H ban hành tại Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 là 6.670.000đ/m^2 x hệ số điều chỉnh 1,6). Do vậy, việc ông T yêu cầu UBND huyện V phải áp dụng bồi thường giá đất bằng 80% giá đất thị trường, với giá 31.000.000 đồng/m^2 là không có căn cứ.

[3.4]. Việc ông T cho rằng không nhận được các quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện giải phóng mặt bằng dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; Tuy nhiên, theo danh sách ký nhận phương án bồi thường, hỗ trợ, quyết định thu hồi đất thì ông T đã nhận được ngày 20/3/2023.

[3.5]. Do hộ ông Phạm Sỹ T không bàn giao mặt bằng, Chủ tịch UBND huyên V đã ban hành Quyết định số 4398/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Sỹ T. Từ khi ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất cho đến khi tiến hành cưỡng chế, UBND huyện V đã thực hiện đầy đủ các bước từ việc đối thoại, vận động, ban hành quyết định, niêm yết công khai, bàn giao quyết định tại điểm a khoản 2 Điều 71 Luật đất đai năm 2013.

[3.6]. Căn cứ báo cáo của UBND thị trấn V; hồ sơ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V đối với hộ gia đình ông Phạm Sỹ T thể hiện: Thời điểm thu hồi đất thực hiện dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, hộ ông Phạm Sỹ T đang sử dụng thửa đất số 56 (1), tờ bản đồ số 51, Bản đồ giải thửa thị trấn V thuộc trường hợp thu hồi hết đất. Ngoài thửa đất trên, hộ ông Phạm Sỹ T không còn thửa đất nào khác trên địa bàn thị trấn V. Tại thời điểm thông báo thu hồi đất và thu hồi đất của hộ ông Phạm Sỹ T, trên thửa đất của hộ gia đình ông Phạm Sỹ T đăng ký 01 hộ khẩu với 03 nhân khẩu gồm: ông Phạm Sỹ T - chủ hộ, bà Tống Thị H3 (vợ ông Phạm Sỹ T), anh Phạm Đình C (con trai ông Phạm Sỹ T). Căn cứ vào Tờ trình số 1150/TTr-TN&MT ngày 26/10/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường

huyện V ngày 06/11/2023, UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 5109/QĐ-UBND, về việc giao 01 lô đất tái định cư hộ chính cho hộ ông Phạm Sỹ T là đảm bảo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

[3.7]. Không đồng ý với phương án bồi thường về việc áp giá đất thấp và đề nghị được bồi thường bằng đất ở có vị trí tương đương, không đồng ý nhận bồi thường bằng tiền cũng như yêu cầu được cấp thêm 01 lô đất tái định cư cho con trai là Phạm Đình C, nên ông Phạm Sỹ T đã làm đơn khiếu nại. Ngày 08/01/2024, UBND huyện V đã ban hành Thông báo số 02/TB-UBND, về việc thụ lý giải quyết khiếu nại làn đầu; cùng ngày 08/01/2024, UBND huyện V Quyết định số 15/QĐ-UBND, về việc xác minh nội dung khiếu nại và tổ chức đối thoại, nhưng ông T cho rằng phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với gia đình ông còn thiếu 01 lô đất tái định cư cho hộ phụ; UBND huyện V chưa trả số tiền 2.860.000.000 đồng tiền bồi thường khi thu hồi đất, UBND huyện V áp giá đất bồi thường là 10.668.000 đồng/m^2, không tương đương với đất có vị trí đóng thuế hàng năm là 4.8000.000 đồng/m^2. Ngày 07/02/2024, Chủ tịch UBND huyện V Quyết định số 290/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với đơn khiếu nại của ông T là đảm bảo về trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo Điều 18 và Điều 31 Luật khiếu nại. Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 07/02/2024 của Chủ tịch UBND huyện V, giải quyết khiếu nại của ông Phạm Sỹ T có nội dung "Giữ nguyên Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND huyện V về phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng và Quyết định số 5109/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND huyện V về việc giao đất ở tái định cư". Xét về nguồn gốc sử dụng đất, nội dung phương án bồi thường theo Quyết định số 2369, việc Chủ tịch UBND huyện V không chấp nhận khiếu nại của ông Phạm Sỹ T là đúng pháp luật.

[4]. Với các căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có cơ sở. Do vậy, cấp phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]. Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội là có cơ sở, được chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Phạm Sỹ T là người cao tuổi và có đơn, miễn án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Sỹ T.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 81/2024/HC-ST ngày 15

tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

3. Ông Phạm Sỹ T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VCT và KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Các Đương sự;
- Lưu HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Đình Lực